

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ**Dự án: Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ núi cốc đoạn từ đt.267 đến đt.266****Địa phận: xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên***Kèm theo Thông báo số 117/TB-TTPTQĐ ngày 15/6/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên**Đơn vị tính: đồng*

ST T	Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ (Nơi thường trú hoặc nơi ở hiện nay)	Diện tích đất (m ²)	Bồi thường đất	Bồi thường thiệt hại về cây trồng	Bồi thường thiệt hại về tài sản	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất Nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>d</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11=2+3+...+10</i>	<i>12</i>
1	Ông Nguyễn Văn Huy và bà Trần Thị Vinh	Tổ 5, phường Quyết Thắng	59,3	5.930.000	581.140		17.790.000	593.000	296.500	27.577.200	52.767.840	
2	Ông Trần Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Vân	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	432,0	42.487.500	1.977.843	15.642.256	127.462.500	4.320.000	2.141.000	6.753.600	200.784.699	
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	84,9	8.490.000	-		25.470.000	849.000	424.500	16.884.000	52.117.500	
4	Nguyễn Thị Hợp	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	21,7	2.170.000	-		6.510.000	217.000	108.500	20.260.800	29.266.300	
5	Ông Trần Văn Sơn và bà Dương Thị Khoa	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	368,2	36.820.000	-		110.460.000	3.682.000	1.841.000	2.251.200	155.054.200	
6	Ông Ngô Văn Bộ và bà Nguyễn Thị Hương	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	137,8	12.805.000	2.205.000	25.433.047	38.415.000	1.378.000	689.000	5.065.200	85.990.247	
7	Nguyễn Văn Thìn	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	1,9	190.000	-		570.000	19.000	9.500	-	788.500	
8	Ông Dương Ngọc Chính và bà Nguyễn Thị Lan Hương	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	351,6	31.930.000	13.935.000	53.661.100	95.790.000	3.516.000	1.758.000	20.260.800	220.850.900	
9	Ông Ngô Văn Phương và bà Nguyễn Thị Huyền	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	572,6	57.260.000	-		171.780.000	5.726.000	1.631.000		236.397.000	
10	Ông Trần Văn Lịch và bà Trương Thị Đào	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	1,1	110.000	-		330.000	11.000	5.500		456.500	
11	Ông Vương Quốc Hùng và bà Đinh Thị Lan	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	373,5	26.314.500	10.377.000	26.457.125	78.943.500	3.735.000	1.637.300		147.464.425	
12	Bà Lưu Thị Xá	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	15,8	1.580.000	-		4.740.000	158.000	79.000	6.753.600	13.310.600	

ST T	Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ (Nơi thường trú hoặc nơi ở hiện nay)	Diện tích đất (m2)	Bồi thường đất	Bồi thường thiệt hại về cây trồng	Bồi thường thiệt hại về tài sản	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất Nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
13	Ông Nguyễn Xuân Lộc và bà Đào Thị Hồng	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	412,1	38.555.000	4.741.732	9.710.960	115.665.000	4.121.000	2.060.500	16.884.000	191.738.192	
14	Ông Vương Quốc Thành và bà Nguyễn Thị Hương	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	358,1	34.741.000	6.389.880	320.623.627	104.223.000	3.581.000	1.790.500		471.349.007	
15	Ông Trương Đình Trường và bà Dương Thị Hằng	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	6,7	167.500	978.200		502.500	67.000	20.100	20.260.800	21.996.100	
16	Ông Nguyễn Đức Tài và bà Trần Thị Thu Hồng	TDP Châu Giang, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình	2,7	67.500	551.000		202.500	27.000	8.100	16.884.000	17.740.100	
17	Ông Đinh Ngọc Hà và bà Nguyễn Thị Nga	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	146,1	3.652.500	11.558.500	35.176.120	10.957.500	1.461.000	438.300	10.130.400	73.374.320	
18	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	0,0	-	10.640.000	36.429.192	-	-	-		47.069.192	
19	Ông Trần Hoàng Anh và bà Lưu Thanh Thuý	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	70,0	6.300.000	2.467.000	56.514.208	18.900.000	700.000	350.000	13.507.200	98.738.408	
20	Bà Vương Thị Thái	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	37,3	3.357.000	2.137.553		10.071.000	373.000	186.500	3.376.800	19.501.853	
21	Bà Trần Thị Thảo	Phường Khánh Hội, TP Hồ Chí Minh	664,0	60.251.000	17.702.210	48.954.644	180.753.000	6.640.000	3.320.000		317.620.854	
22	Ông Phan Đình Thiết và bà Võ Thị Mạnh Hoa	xóm Cam Giá 1, phường Gia Sàng	31,0	2.790.000			8.370.000	310.000	155.000	-	11.625.000	
23	Ông Đỗ Ngọc Long	Phường Xuân Phương, TP Hà Nội	108,1	9.729.000	877.500	2.540.400	29.187.000	1.081.000	540.500	13.507.200	57.462.600	
24	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phường Phan Đình Phùng	97,7	8.793.000	780.000	2.540.400	26.379.000	977.000	488.500	-	39.957.900	

ST T	Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ (Nơi thường trú hoặc nơi ở hiện nay)	Diện tích đất (m2)	Bồi thường đất	Bồi thường thiệt hại về cây trồng	Bồi thường thiệt hại về tài sản	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất Nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
25	Ông Đào Gia Bản và bà Nguyễn Thị Phụng	Phường Tích Lương	43,7	4.370.000	-		13.110.000	437.000	218.500	-	18.135.500	
26	Ông Vương Huy Thực và Đào Thanh Thơm	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương	659,9	59.391.000	8.257.109	4.867.200	178.173.000	6.599.000	3.299.500	-	260.586.809	
27	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Phường Hoàng Liệt TP Hà Nội	57,6	1.986.000	6.892.702		5.958.000	576.000	189.600	13.507.200	29.109.502	
28	Ông Trần Văn Sử	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương			3.937.050						3.937.050	
	<u>Tổng cộng</u>		<u>5.115,4</u>	<u>460.237.500</u>	<u>103.049.369</u>	<u>638.550.278</u>	<u>1.380.712.500</u>	<u>51.154.000</u>	<u>23.686.400</u>	<u>227.371.200</u>	<u>2.875.191.097</u>	